

Bản án số: 51/2018/HSST
Ngày: 16/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và ông Nguyễn Thái Bảo.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K - Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HS ngày 02/11/2018 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Phạm Văn C**, tên gọi khác: Phạm Văn M, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 9, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn L và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con: chưa có; tiền án: Bản án số 14/HSST ngày 25/4/2017 của TAND huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 200.000đ án phí. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/01/2018 và chấp hành xong án phí ngày 09/6/2017; tiền sự: Quyết định số 37 ngày 10/01/2017 Công an huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chưa chấp hành.

Lịch sử bản thân:

-Bản án số 06/HSST ngày 28/4/2006 của TAND huyện Y, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” và 50.000đ án phí, đã chấp hành xong hình phạt cải tạo, chấp hành xong án phí ngày 21/7/2006.

-Quyết định số 885 ngày 06/12/2013 của UBND huyện Y, tỉnh Ninh Bình đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 03/6/2016.

-Quyết định số 80 ngày 06/10/2016 của công an phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình xử phạt 500.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 07/11/2016.

-Quyết định số 57 ngày 28/10/2016 của công an phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình xử phạt 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 15/11/2016.

Bị cáo bị bắt ngày 21/8/2018 theo quyết định truy nã, chuyển tạm giam cùng ngày 21/8/2018 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bị hại:

- Ông Mai Văn P, sinh năm 1964 cùng vợ là Vũ Thị X, sinh năm 1963; Trú tại xóm 2, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Ông Vũ Văn C1, sinh năm 1969; Trú tại thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; Trú tại xóm 3, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Quyết C2, sinh năm 1987; Trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Hiện bỏ đi không rõ địa chỉ.

- Bà Mai Thị P1, sinh năm 1968; Trú tại tổ 6, phố T, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; Trú tại xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Chị Phạm Thị L2, sinh năm 1978; Trú tại xóm 4 Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

+ Những người làm chứng: Anh Mai Văn K; ông Phạm Văn H1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Phạm Văn C là người có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Từ ngày 11/6/2018 đến ngày 15/6/2018 C đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng 8 giờ ngày 11/6/2018 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô chở C xuống huyện K với ý định tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường thuộc xóm 2, xã T, thấy nhà ông Phạm Văn H1, nhà sát đường không có ai ở nhà, cổng mở, trên hiên nhà có để một số bao lúa của nhà ông Mai Văn P để nhờ đang phủ bạt, C bảo T quay xe lại lấy lúa, T đồng ý, đi xe vào trong sân rồi quay đầu xe còn C xuống xe ôm 01 bao lúa vỏ bao màu trắng đặt lên yên xe rồi phủ bạt lại như cũ. Sau khi lấy được lúa cả hai đến cửa hàng xay sát của bà Mai Thị P1 ở tổ 6, phố T, thị trấn P, huyện K cân được 49kg và bán cho bà P1 với giá 300.000đ sau đó đi tiêu sái cá nhân hết. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai quay về huyện Y, khi đến khu vực cầu T, thị trấn P thì gặp Nguyễn Quyết C2 là bạn của C đang điều khiển xe đi một mình, C sang xe C ngồi rồi cả 3 đi về huyện Y. Khi đi qua nhà ông H1 thấy vẫn không có ai ở nhà, C tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp lúa nên bảo với C2 và T thì cả hai đồng ý. T và C2 điều khiển xe đi vào trong sân, C xuống xe ôm 01

bao lúa vỏ bao màu vàng đặt lên xe T và ôm 01 bao ngồi sau xe C2, sau đó cả ba đi về huyện Y, khi đến làng N, xã Y thì vào cửa hàng xay sát của bà Nguyễn Thị L1, C và T bê lúa vào còn C2 đứng ngoài trông xe. Sau khi cân 02 bao lúa được 85kg, C bán cho bà L1 với giá 560.000đ rồi cả ba đi tiêu sài hết. Tối cùng ngày, ông P phát hiện bị mất lúa nên đã trình báo cơ quan công an.

Lần thứ hai: khoảng 20 giờ ngày 15/6/2018, C đi bộ một mình từ nhà đến đoạn đường thuộc xóm 7, xã Y rồi đi nhờ xe của một người không quen biết đến xã Y, huyện Y. Khi đi qua nhà ông Vũ Văn C1, thấy cửa mở nhưng không có ai, trước cửa nhà có 01 chiếc cân đồng hồ loại 60kg nên nảy sinh ý định trộm cắp. C xuống xe rồi đi đến nhà ông C lấy chiếc cân mang đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Phạm Thị L2 ở xóm 4 Đ, xã Y, huyện Y bán được 200.000đ và mang đi tiêu sài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản số 22/HĐ-ĐG ngày 03/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận 85kg lúa bắc thơm đã phơi khô 60 – 70% có giá trị 620.500đ; 44kg lúa Bắc thơm đã khô 100% có giá trị 338.800đ. Tổng giá trị của 03 bao lúa là 959.300đ.

Kết luận định giá tài sản số 17/HĐ-ĐG ngày 15/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: chiếc cân đồng hồ nhãn hiệu Nhơn Hòa màu xanh loại 60kg có giá trị còn lại là 560.000đ.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKS – KS ngày 24/10/2018 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Phạm Văn C (tên gọi khác: Phạm Văn M) về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C (Phạm Văn M) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Văn C (Phạm Văn M) từ 12 - 14 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý về trách nhiệm dân sự và vật chứng đã thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn C đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng bọn gây ra. Nội dung bị cáo khai, do muốn có tiền để tiêu sài cá nhân nên khoảng 9 giờ sáng ngày 11/6/2018 bị cáo cùng Nguyễn Văn T là bạn của bị cáo đi xe mô tô do T điều khiển đi xuống địa bàn huyện K xem có nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Tại xóm 2, xã T, bị cáo cùng Nguyễn Văn T đã trộm cắp của một nhà dân ven đường 01 bao lúa để ở hiên nhà, sau đó đem đến cửa hàng xay sát thuộc phố T bán được 300.000đ đem đi tiêu sài. Tiếp đó khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày bị cáo cùng T và C2 trộm cắp tiếp 02 bao lúa cũng của nhà dân mà bị cáo đã lấy trộm lúc sáng đem đến cửa hàng xay sát ở xã Y bán được 560.000đ cùng nhau đem đi tiêu sài. Ngày 15/6/2018 bị cáo lại một mình lấy trộm chiếc cân đồng hồ loại 60kg tại một nhà

dân ở thôn L, xã Y, huyện Y, sau đó đem bán cho cửa hàng thu mua phế liệu ở xã Y, huyện Y được 200.000đ đem đi tiêu sài cá nhân hết.

[2] Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản tiếp nhận đơn trình báo, biên bản sự việc, biên bản cân xác định trọng lượng và thu giữ vật chứng, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như các kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K và huyện Y...

[3] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, Phạm Văn C là người đang có tiền án chưa được xóa án tích lại có hành vi 03 lần trộm cắp tài sản của người khác gồm lần 1 tài sản có giá trị là 338.800đ, lần 2 là 620.500đ và lần 3 là 560.000đ, tổng giá trị cả 03 lần trộm cắp là 1.519.300đ, bị cáo Phạm Văn C đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem đi tiêu thụ nhằm phục vụ cho bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

Trong vụ án này bị cáo thực hiện ba lần trộm cắp tài sản, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015.

Khi lượng hình cũng cần xem xét, bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; tài sản trộm cắp có giá trị không lớn, đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bản thân lại là người mắc bệnh HIV. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo là người có nhân thân xấu, đang có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội lại bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[5] Trong vụ án này, Nguyễn Văn T và Nguyễn Quyết C2 là những người thực hiện hành vi trộm cắp cùng với Phạm Văn C vào ngày 11/6/2018, trong đó Nguyễn Văn T tham gia với bị cáo trộm cắp với tài sản giá trị 959.300đ và Nguyễn Quyết C2 tham gia với bị cáo trộm cắp tài sản giá trị 620.500đ, nhưng cả hai chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra công an huyện K đã xử phạt hành chính đối với T và C2 là đúng quy định của pháp luật. Đối với bà Mai Thị P1, Nguyễn Thị L1 và Phạm Thị L2 là những người đã mua lại tài sản do bị cáo trộm cắp nhưng họ không biết đây là tài sản do phạm tội mà có vì vậy họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại Điều 323 BLHS. Cơ quan điều tra công an huyện K và huyện Y đã nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với những người này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: số tài sản bị cáo trộm cắp đã được cơ quan công an thu hồi trả lại cho người bị hại; những người bị hại đã được nhận lại đầy đủ tài sản là

03 bao lúa và chiếc cân đồng hồ và không còn đề nghị gì thêm. Đối với số tiền mà bà Mai Thị P1, bà Nguyễn Thị L1 và chị Phạm Thị L2 đã trả cho bị cáo khi mua tài sản trộm cắp và bị cáo cùng những người liên quan là anh Nguyễn Văn T, Nguyễn Quyết C2 đã cùng nhau tiêu sài hết, đây là quan hệ giao dịch dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình. Nay bà P1, bà L1 và chị L2 đã giao lại tài sản mua từ bị cáo để trả lại cho những người bị hại và bà P1, bà L1 yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền đã nhận từ họ, còn chị L2 không yêu cầu bồi thường, do đó cần buộc bị cáo Phạm Văn C và anh Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho bà P1 số tiền 300.000đ, chia phần bị cáo C và anh T mỗi người phải chịu 150.000đ ; bị cáo C cùng anh T và anh Nguyễn Quyết C2 phải liên đới bồi thường cho bà L1 số tiền 560.000đ, chia phần bị cáo C 188.000đ, anh T và anh C mỗi người 186.000đ.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án gồm trả lại 03 bao thóc Bắc thơm tổng trọng lượng 129kg cho ông Mai Văn P1, trả lại chiếc cân đồng hồ hiệu Nhơn Hòa cho ông Vũ Văn C1 và trả lại chiếc điện thoại di động hiệu Masstel 240C cho Nguyễn Văn T thông qua người được ủy quyền là bà Bùi Thị S (mẹ đẻ anh T). Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 18Z7 – 0695 đã thu giữ của Nguyễn Văn T, quá trình điều tra T khai mượn của anh trai là Nguyễn Văn T1, nhưng T và anh T1 không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc của xe, cơ quan điều tra đã tra cứu xác minh chủ sở hữu của chiếc xe trên nhưng chưa có kết quả vì vậy cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan đến chiếc xe để xác minh làm rõ và xử lý sau; đối với chiếc điện thoại di động Nokia 110i thu giữ của bị cáo, đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến vụ án vì vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; đối với số tiền 200.000đ bị cáo nhận từ chị L2 do bán chiếc cân trộm cắp, nay chị L2 không yêu cầu gì về số tiền trên, tuy nhiên đây là tiền do phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu từ bị cáo số tiền 200.000đ để sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí HSST; bị cáo và anh T, anh C2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

[9] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn C (tức Phạm Văn M) phạm tội “ Trộm cắp tài sản”
Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1,2 Điều 51BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn C (tức Phạm Văn M) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 21/8/2018.

Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 579, 580, 582, 584, 585, 586, 587, 357 và 468 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Văn C (tức M) và anh Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho bà Mai Thị P1 số tiền 300.000đ, chia phần bị cáo C và anh T mỗi người phải chịu 150.000đ; bị cáo Phạm Văn C (tức M) cùng anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Quyết C2 phải liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 560.000đ, chia phần bị cáo C 188.000đ, anh T và anh C2 mỗi người 186.000đ.

Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu từ bị cáo Phạm Văn C (tức M) số tiền 200.000đ là tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn C (tức M) chiếc điện thoại di động Nokia 110i nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án;

Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí buộc bị cáo Phạm Văn C (tức M) phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự; anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Quyết C2 mỗi người phải nộp 300.000đ án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản tiền phải trả nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã Y, Y;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh